TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Phượng;

2. Ông Mai Thanh Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2023/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Hà Tiến C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Hà Tiến C được tự do tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 10 năm 2005 tại UBND xã P, huyện C. Sau khi

kết hôn chị H và anh C chung sống tại thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng tương đối hòa thuận, hạnh phúc nhưng dần dần giữa chị H và anh C không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và cách sống dẫn đến không có sự chia sẻ với nhau. Đỉnh điểm là tháng 6 năm 2022 giữa chị H và anh C xảy ra tranh cãi không thể hòa hợp. Cũng từ tháng 6 năm 2022 cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh C không còn hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị H sống ly thân với anh C từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm với anh C không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Tiến C.

- Về con chung: Chị H và anh C có một con chung là Hà Đức Ch, sinh ngày 25/11/2005. Cháu Ch hiện đã đủ 18 tuổi nhưng do cháu có khuyết tật về nhận thức, hiện đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội nên chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Chuyên khi ly hôn. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Chuyên cùng chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2023 anh Hà Tiến C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Phạm Thị H được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 10 năm 2005 tại UBND xã P, huyện C. Sau khi kết hôn anh C và chị H chung sống với nhau tại thôn L, xã T, huyện C. Anh C thấy cuộc sống vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn cho đến khoảng tháng 9 năm 2023 khi anh C đi làm công trình xa, chị H làm công nhân tại tỉnh Hưng Yên nên vợ chồng không có cơ hội chăm sóc, quan tâm đến nhau dẫn đến anh C nghi ngờ chị H không chung thủy, vợ chồng xảy ra bất đồng. Từ thời điểm cãi nhau tháng 9 năm 2023 chị H lạnh nhạt với anh C. Chị H xin ly hôn, anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh C có nguyện vọng đoàn tụ với chị H, không nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh C và chị H có một con chung là Hà Đức Ch, sinh ngày 25/11/2005. Theo anh C, cháu Chuyên đã gần đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nhận thức bình thường nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên: Tại biên bản ghi ý kiến cháu Hà Đức Ch trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ là Phạm Thị H trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Hà Tiến C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến trình bày gì khác so với ý kiến tại bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Phạm Thị H; cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Hà Tiến C.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Hà Đức Ch cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hà Tiến C; anh Hà Tiến C đăng ký thường trú tại thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227, 228, 238 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hà Tiến C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2005 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của chị H, anh C thấy rằng quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Từ thời điểm chị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến nay vợ chồng chưa khắc phục được mâu thuẫn, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh C, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh C không đến tham gia phiên tòa,

không có ý kiến trình bày về việc anh và chị H đã khắc phục được mâu thuẫn. Như vậy, căn cứ vào Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị H, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Hà Tiến C.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Hà Tiến C có một con chung là Hà Đức Ch, sinh ngày 25/11/2005. Tại bản tự khai ngày 20/11/2023 anh Hà Tiến C xác định cháu Chuyên gần đủ 18 tuổi, có khả năng nhận thức bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn chị H xác định cháu Chuyên bị khuyết tật ở tai dẫn đến khả năng nghe kém, nhận thức hạn chế. Hội đồng xét xử thấy rằng, tính đến ngày xét xử cháu Chuyên đã đủ 18 tuổi, nhưng kết quả xác minh tại thôn L, xã T và UBND xã T, huyện C cho thấy cháu Chuyên đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội, loại khuyết tật nặng, độ tuổi từ 16 đến 60 tuổi (khuyết tật dạng trí tuệ). Do vậy, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Hà Đức Ch cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa anh C không có mặt, không có ý kiến trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Hà Tiến C đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh Hà Tiến C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thi H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Hà Tiến C.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Đức Ch, sinh ngày 25/11/2005 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hà Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, anh Hà Tiến C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tạm tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000757945 ngày 02/11/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai số 0001477 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh Hà Tiến C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Hà Tiến C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã P (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Tú